

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bộ Tài chính

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

NGUYỄN THU HÀ

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN  
QUẢN TRỊ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Ngành: Kế toán

Mã số: 9.34.03.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, NĂM 2026

Công trình được hoàn thành tại: HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Người hướng dẫn khoa học:

**PGS. TS. Trương Thị Thủy**

**TS. Trần Tuấn Anh**

Phản biện 1: .....

.....

Phản biện 2: .....

.....

Phản biện 3: .....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp  
tại ..... Vào hồi      giờ      ngày      tháng      năm

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh kinh doanh hiện nay, môi trường thương mại đang trải qua những biến động phức tạp và sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Các doanh nghiệp thương mại (DNTM) phải đối mặt với những thay đổi liên tục về nhu cầu và hành vi khách hàng, áp lực cạnh tranh từ đối thủ và sự dịch chuyển của thị trường. Trong bối cảnh đó, việc ra quyết định kịp thời, chính xác và hiệu quả trở thành yếu tố sống còn đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của doanh nghiệp (DN). Từ góc độ lý luận, các nghiên cứu về kế toán quản trị (KTQT) đã chỉ ra rằng thông tin kế toán quản trị không chỉ cung cấp dữ liệu tài chính mà còn cung cấp các thông tin phi tài chính, được phân tích chuyên sâu để phục vụ công tác quản lý, lập kế hoạch, kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động, phân tích lợi nhuận theo sản phẩm, theo thị trường và hỗ trợ đưa ra các quyết định chiến lược như mở rộng thị trường, đầu tư công nghệ hay tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Thiếu một hệ thống KTQT hiệu quả sẽ khiến doanh nghiệp dễ đưa ra các quyết định mang tính cảm tính, thiếu cơ sở khoa học và rủi ro cao, đồng thời hạn chế khả năng thích ứng với môi trường kinh doanh đầy biến động.

Tỉnh Thái Nguyên là một trong những trung tâm kinh tế của vùng trung du miền núi phía Bắc với sự phát triển đa dạng của các ngành kinh tế, trong đó thương mại đóng góp đáng kể vào tổng sản phẩm trên địa bàn. Các DNTM tại đây không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội tỉnh mà còn là cầu nối phân phối hàng hóa đi các tỉnh lân cận. Sự gia tăng số lượng và quy mô của các DNTM kéo theo yêu cầu ngày càng cao về năng lực quản trị. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, các DN cần vượt ra khỏi khuôn khổ quản lý truyền thống, vốn thường tập trung vào kế toán tài chính phục vụ mục đích bên ngoài. Thay vào đó, họ cần một hệ thống thông tin (HTTT) nội bộ mạnh mẽ, có khả năng cung cấp những phân tích sâu sắc về chi phí, doanh thu, lợi nhuận của từng hoạt động, từng sản phẩm cũng như đánh giá hiệu suất của các bộ phận khác nhau trong DN. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các DNTM vốn có đặc thù về quản lý hàng tồn kho đa dạng, chi phí bán hàng và biên lợi nhuận thường biến động theo thị trường. Mặc dù vai trò của KTQT được thừa nhận nhưng trên thực tế nhiều DNTM, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) ở các địa phương như Thái Nguyên vẫn chưa thực sự chú trọng hoặc gặp phải nhiều vướng mắc trong việc xây dựng và vận hành hệ thống thông tin kế toán quản trị (HTTTKTQT). Các tồn tại phổ biến bao gồm: thiếu nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của KTQT dẫn đến việc chỉ tập trung vào kế toán tài chính; HTTT chưa được tích hợp đồng bộ, dữ liệu còn rời rạc, không liên kết giữa các phòng ban; thiếu nguồn lực

chuyên môn về KTQT, nhân sự chưa được đào tạo bài bản; công nghệ thông tin chưa được ứng dụng hiệu quả để thu thập, xử lý và phân tích thông tin KTQT; phân tích chi phí chưa phù hợp với đặc thù kinh doanh thương mại... Những hạn chế này trực tiếp ảnh hưởng đến khả năng kiểm soát chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận và đưa ra các quyết định kinh doanh tối ưu, làm giảm năng lực cạnh tranh của DN trên thị trường.

Trước những thách thức và hạn chế nêu trên, việc nghiên cứu và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện HTTKTQT cho các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là một yêu cầu cấp thiết. Nghiên cứu này không chỉ mang ý nghĩa lý luận, góp phần hệ thống hóa các vấn đề về KTQT trong lĩnh vực thương mại mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Nó cung cấp một cái nhìn tổng quát về thực trạng, chỉ ra những điểm yếu cần khắc phục và đề xuất các giải pháp cụ thể, phù hợp với đặc thù của các DNTM tại Thái Nguyên. Việc hoàn thiện HTTKTQT sẽ giúp các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên không chỉ tồn tại mà còn phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, góp phần vào sự phát triển kinh tế chung của tỉnh.

Xuất phát từ những sự cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn nên tác giả đã lựa chọn nghiên cứu đề tài luận án “*Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*”. Thông qua đề tài này sẽ góp phần làm rõ hơn tầm quan trọng của HTTKTQT trong việc nâng cao hiệu quả quản trị và khả năng cạnh tranh của DN trong môi trường kinh doanh hiện đại. Đồng thời, dựa trên kết quả nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm tạo ra những bước tiến mới trong việc quản lý và phát triển bền vững DN trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

## **2. Tổng quan nghiên cứu**

### ***2.1. Các nghiên cứu về hệ thống thông tin kế toán, hệ thống thông tin kế toán quản trị***

### ***2.2. Các nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán, hệ thống thông tin kế toán quản trị***

### ***2.3. Các nghiên cứu về hệ thống thông tin kế toán, hệ thống thông tin kế toán quản trị trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số***

### ***2.4. Khoảng trống nghiên cứu***

Tổng hợp các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về HTTKT và HTTKTQT cho thấy rằng lĩnh vực này đã nhận được sự quan tâm đáng kể của giới học thuật song vẫn tồn tại nhiều khoảng trống lý luận và thực tiễn cần tiếp tục làm rõ, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số tại các DN Việt Nam.

*Thứ nhất, về cách tiếp cận nghiên cứu HTTKT và HTTKTQT*

Phần lớn các công trình trong và ngoài nước tiếp cận HTTTKT theo góc nhìn quy trình xử lý thông tin hoặc theo mô hình HTTT quản lý. Cách tiếp cận này giúp mô tả luồng vận động của thông tin kế toán nhưng chưa phản ánh đầy đủ cấu trúc nội tại và các yếu tố tương tác trong toàn hệ thống. Các nghiên cứu tiêu biểu của Romney & Steinbart (2018) và Nicolaou (2000) đã khẳng định vai trò quan trọng của công nghệ thông tin trong vận hành HTTTKT, tuy nhiên vẫn chủ yếu tiếp cận theo hướng mô tả kỹ thuật xử lý dữ liệu kế toán, chưa phân tích sâu sự tương tác và phối hợp giữa các yếu tố cấu thành hệ thống như con người, dữ liệu, quy trình, công nghệ và kiểm soát nội bộ. Ở Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu dừng lại ở mức tổ chức và vận hành HTTTKT tài chính, trong khi HTTTKTQT - công cụ hỗ trợ điều hành, hoạch định và kiểm soát chiến lược vẫn ít được nghiên cứu một cách hệ thống. Chưa có nhiều công trình xây dựng khung phân tích toàn diện về HTTTKTQT dựa trên các yếu tố cấu thành trong điều kiện mới hiện nay.

#### *Thứ hai, về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKT và HTTTKTQT*

Nhiều nghiên cứu trong nước và quốc tế đã đề cập đến các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKT, tập trung vào các yếu tố như hạ tầng công nghệ, sự tham gia của lãnh đạo, đào tạo người dùng, văn hóa tổ chức và chất lượng dữ liệu. Tuy nhiên, đa phần những công trình này chỉ xem xét các yếu tố dưới góc độ riêng lẻ, chưa đánh giá tác động tương hỗ và tính liên kết giữa các thành phần của hệ thống. Đặc biệt, các nghiên cứu về chất lượng HTTTKTQT vẫn còn rất hạn chế. Đa số mới dừng lại ở việc đo lường mức độ hài lòng của người sử dụng thông tin, chưa xây dựng được mô hình định lượng toàn diện phản ánh mối quan hệ giữa yếu tố cấu thành hệ thống và chất lượng HTTTKTQT. Ngoài ra, các nghiên cứu hiện có phần lớn tập trung vào DN sản xuất hoặc xây dựng, trong khi khu vực DNTM, nơi đặc biệt phụ thuộc vào dữ liệu thời gian thực và quyết định ngắn hạn lại chưa được xem xét đầy đủ.

#### *Thứ ba, về HTTTKT và HTTTKTQT trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số*

Mặc dù xu hướng chuyển đổi số và ứng dụng CNTT trong kế toán đã được đề cập trong các nghiên cứu của Phạm Hoài Nam (2020), Dương Thị Luyến (2024) và một số công trình quốc tế gần đây như Bhimani (2020) và Prasetianingrum & Sonjaya (2024), song các nghiên cứu trong nước vẫn còn hạn chế về số lượng, phạm vi tiếp cận còn hẹp và chủ yếu dừng lại ở mức mô tả. Nhiều nghiên cứu chưa xem xét tác động của công nghệ số đến chất lượng HTTTKTQT cũng như chưa chỉ ra cách mà các yếu tố con người, quy trình, dữ liệu, công nghệ và kiểm soát nội bộ tương tác trong môi trường số hóa.

Đặc biệt, hiện chưa có nghiên cứu nào tại Việt Nam đánh giá mức độ hoàn thiện của HTTTKTQT tại các DNTM trong bối cảnh chuyển đổi số, dù đây là khu vực có quy mô lớn, tốc độ xử lý thông tin nhanh và nhu cầu quản trị dữ liệu phức tạp. Sự thiếu vắng các nghiên cứu theo hướng phân tích đa yếu tố khiến cho việc đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống vẫn mang tính khái quát, chưa gắn kết chặt chẽ với thực tiễn hoạt động doanh nghiệp.

Từ việc tổng hợp và phân tích các khoảng trống nghiên cứu nêu trên, có thể thấy luận án được triển khai trên cơ sở kế thừa có chọn lọc và phát triển các kết quả nghiên cứu trước đây. Cụ thể, luận án kế thừa các cơ sở lý thuyết nền tảng về hệ thống thông tin kế toán và hệ thống thông tin kế toán quản trị, đặc biệt là các quan điểm tiếp cận HTTTKT như một hệ thống xử lý thông tin và hệ thống hỗ trợ quản trị. Đồng thời, luận án kế thừa các mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin, cũng như các tiêu chí đánh giá hiệu quả hệ thống như chất lượng thông tin, mức độ hài lòng của người sử dụng và tác động đến hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.

Trên cơ sở kế thừa đó, luận án tập trung tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện theo các hướng chủ yếu sau: (i) xây dựng khung phân tích toàn diện về HTTTKTQT theo cách tiếp cận hệ thống, làm rõ sự tương tác giữa các yếu tố cấu thành như con người, dữ liệu, quy trình, công nghệ và kiểm soát nội bộ; (ii) phân tích và đánh giá thực trạng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nhằm phản ánh đúng đặc thù ngành và bối cảnh địa phương; (iii) phát triển mô hình nghiên cứu định lượng để xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng HTTTKTQT, khắc phục hạn chế của các nghiên cứu trước chỉ xem xét các yếu tố riêng lẻ; và (iv) đề xuất các giải pháp hoàn thiện HTTTKTQT trong bối cảnh chuyển đổi số, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp thương mại.

Như vậy, nội dung nghiên cứu của luận án vừa kế thừa những thành tựu lý luận và thực tiễn đã có, vừa tập trung giải quyết các khoảng trống còn tồn tại, qua đó góp phần bổ sung và hoàn thiện cơ sở lý luận cũng như cung cấp luận cứ thực tiễn cho việc nâng cao chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại ở Việt Nam nói chung và tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu**

#### ***3.1. Mục tiêu nghiên cứu***

*Mục tiêu tổng quát:* Luận án được thực hiện nhằm phân tích và đánh giá thực trạng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng HTTTKTQT và đề

xuất các giải pháp để hoàn thiện HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

*Mục tiêu cụ thể:*

(1) Tổng quát hóa các lý thuyết nền tảng cơ bản liên quan đến HTTTKTQT tại các DN. Đồng thời, lược khảo các nghiên cứu nhằm xác định khoảng trống nghiên cứu để làm cơ sở đề xuất mô hình và giả thuyết nghiên cứu.

(2) Phân tích và đánh giá thực trạng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Từ đó, đưa các nhận xét và cơ sở xác định phương hướng, giải pháp hoàn thiện HTTTKTQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh.

(3) Xác định và đo lường mức độ các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKTQT. Từ đó, xác định được những điểm mạnh và hạn chế để cải thiện chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh.

(4) Đề xuất các giải pháp để hoàn thiện HTTTKTQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong tương lai.

### **3.2. Câu hỏi nghiên cứu của luận án**

Thứ nhất, hệ thống lý thuyết nền tảng liên quan đến HTTTKTQT trong các doanh nghiệp được tổng quát hóa như thế nào?

Thứ hai, thực trạng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay như thế nào? Những nhận xét và cơ sở nào có thể được xác định để định hướng phương hướng và giải pháp hoàn thiện?

Thứ ba, các nhân tố nào được xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại ở tỉnh Thái Nguyên?

Thứ tư, những giải pháp nào mang tính khả thi có thể được đề xuất nhằm hoàn thiện HTTTKTQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong tương lai?

## **4. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu**

**4.1. Đối tượng nghiên cứu:** Hệ thống thông tin kế toán quản trị và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán quản trị.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian: Các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- Về thời gian: Luận án sử dụng dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo của các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn từ năm 2020 - 2024. Ngoài ra, dữ liệu sơ cấp khảo sát được thực hiện từ 10/2024 - 6/2025.

- Đối tượng khảo sát: Luận án sẽ tập trung vào đối tượng là quản lý hay nhân viên làm việc liên quan đến bộ phận kế toán tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Vì đây là nhóm đối tượng có kinh nghiệm và hiểu đặc thù của công việc kế toán cũng như HTTKQT.

## **5. Phương pháp nghiên cứu của luận án**

### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác Lê Nin.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể**

#### **5.2.1. Phương pháp nghiên cứu định tính**

Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua việc tổng hợp các lý thuyết nền tảng liên quan đến HTTKQT. Đồng thời, lược khảo các nghiên cứu trong nước và nước ngoài về HTTKQT, nhằm xác định các khoảng trống nghiên cứu để làm cơ sở đề xuất mô hình và giả thuyết nghiên cứu. Bên cạnh đó, tác giả tiến hành thảo luận với nhóm chuyên gia để hoàn thiện các khái niệm nghiên cứu, thống nhất mô hình và giả thuyết nghiên cứu. Đặc biệt, xin ý kiến của nhóm chuyên gia để hiệu chỉnh thang đo cho các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTKQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Sau khi hiệu chỉnh thang đo thì câu hỏi khảo sát chính thức được thiết lập. Các chuyên gia được lựa chọn là các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy nhiều năm cùng kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực kế toán và quản trị. Mặt khác, nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua việc phân tích và đánh giá thực trạng của HTTKQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh. Tác giả tiến hành nghiên cứu điển hình tại một số DNTM, tham khảo ý kiến trực tiếp từ các nhà quản lý, người phụ trách kế toán, kế toán trưởng...

#### **5.2.2. Phương pháp định lượng**

Nghiên cứu định lượng được thực hiện sau khi nghiên cứu định tính hoàn tất. Trong đó, hoạt động ban đầu và quan trọng nhất của nghiên cứu định lượng đó chính là thu thập dữ liệu khảo sát từ các đối tượng là quản lý hay nhân viên làm việc liên quan đến bộ phận kế toán tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Từ dữ liệu khảo sát, tác giả lọc và lựa chọn mẫu chính thức theo quy định, sau đó thông qua phần mềm SPSS 27.0 để kiểm định kết quả. Trong đó, các kiểm định bao gồm độ tin cậy thang đo Cronbach's Alpha, nhân tố khám phá EFA, hồi quy đa biến, các hiện tượng khuyết tật của mô hình hồi quy.

## **6. Những đóng góp mới của luận án**

Luận án có những đóng góp cả về lý luận và thực tiễn:

\* Về mặt lý luận: Luận án hệ thống hóa cơ sở lý luận về HTTTKTQT trong doanh nghiệp, làm rõ cấu trúc, nguyên tắc vận hành và vai trò của hệ thống trong hỗ trợ ra quyết định quản lý. Trên cơ sở lược khảo các nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án xác định khoảng trống nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKTQT và bối cảnh doanh nghiệp thương mại. Từ đó, xây dựng khung phân tích, mô hình và giả thuyết nghiên cứu, góp phần bổ sung và hoàn thiện lý luận về HTTTKTQT.

\* Về mặt thực tiễn: Luận án cung cấp bằng chứng thực nghiệm về thực trạng HTTTKTQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Thông qua việc phân tích và đánh giá kỹ lưỡng, nghiên cứu chỉ ra những điểm mạnh cần phát huy và những hạn chế, tồn tại cần khắc phục trong quá trình vận hành HTTTKTQT của các DN này. Điều này bao gồm việc nhận diện các vấn đề cụ thể như sự thiếu hụt trong thu thập dữ liệu chi phí, sự chưa phù hợp của các báo cáo quản trị hoặc hạn chế trong việc ứng dụng phần mềm chuyên dụng. Dựa trên những phân tích thực trạng và kết quả đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng HTTTKTQT, luận án đề xuất một hệ thống các giải pháp mang tính khả thi và có cơ sở khoa học nhằm hoàn thiện HTTTKTQT. Các giải pháp này được thiết kế riêng biệt, phù hợp với đặc thù kinh doanh, quy mô và nguồn lực của các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Những giải pháp này không chỉ giúp các DN tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, kiểm soát chi phí hiệu quả và nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng DNTM tại địa phương, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế chung của tỉnh Thái Nguyên.

## **7. Kết cấu của luận án**

Ngoài phần mở đầu, mục lục, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm có 3 chương:

Chương 1. Lý luận về hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp.

Chương 2. Thực trạng hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3. Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra, luận án còn gồm có các sơ đồ, bảng biểu, phụ lục đi kèm.

# CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

## QUẢN TRỊ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

### 1.1. Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp

#### 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

##### 1.1.1.1. Khái niệm về hệ thống

Theo Nguyễn Thế Hưng (2008): “Hệ thống là một tập hợp các các thành phần kết hợp với nhau và cùng hoạt động để đạt được mục tiêu đã định trước”...

##### 1.1.1.2. Khái niệm về hệ thống thông tin

Theo Thiều Thị Tâm và cộng sự (2014), “Hệ thống thông tin là một hệ thống mà mục tiêu tồn tại của nó là cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động của con người trong một tổ chức nào đó”....

##### 1.1.1.3. Khái niệm về hệ thống thông tin kế toán

Trên thực tế, có nhiều khái niệm khác nhau về HTTTKT trong DN. Nhìn chung chức năng quan trọng nhất của HTTTKT là cung cấp thông tin cho người sử dụng, bao gồm: 1) thông tin tài chính nhằm thực hiện qua trình tổng hợp, đo lường, truyền đạt tình hình tài chính của DN và chủ yếu để phối hợp công việc trong tổ chức và 2) thông tin hữu ích hỗ trợ cho việc ra quyết định và chủ yếu sử dụng cho mục đích điều hành và kiểm soát DN.

##### 1.1.1.4. Khái niệm về hệ thống thông tin kế toán quản trị

Luận án này kế thừa và phát triển các quan điểm trước đây, đồng thời tiếp cận HTTTKTQT theo hướng cấu trúc yếu tố, cho rằng: Hệ thống thông tin kế toán quản trị trong DN là một tập hợp các yếu tố có mối liên kết chặt chẽ gồm: (1) con người, (2) dữ liệu kế toán, (3) quy trình và thủ tục xử lý thông tin, (4) công nghệ và (5) kiểm soát nội bộ; được tổ chức nhằm thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin tài chính và phi tài chính phục vụ cho việc lập kế hoạch, kiểm soát, đánh giá và ra quyết định quản trị. Cách tiếp cận này cho phép luận án phân tích sâu từng yếu tố cấu thành, làm rõ mức độ hoàn thiện của từng thành phần và mối quan hệ tương tác giữa chúng, từ đó đề xuất các giải pháp đồng bộ nhằm hoàn thiện HTTTKTQT tại các DNTM ở tỉnh Thái Nguyên.

#### 1.1.2. Phân loại hệ thống thông tin kế toán quản trị trong doanh nghiệp

Việc phân loại HTTTKTQT trong doanh nghiệp có thể được tiếp cận theo nhiều tiêu chí khác nhau nhằm phản ánh đầy đủ vai trò và cấu trúc của hệ thống trong hoạt động quản lý.

### ***1.1.3. Vai trò của hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp***

HTTTKTQT đóng vai trò then chốt trong việc vận hành và phát triển bền vững của các DN. Nó không chỉ là một công cụ ghi nhận giao dịch mà còn là một bộ phận không thể thiếu trong quản lý chiến lược và tác nghiệp, giúp DN thích nghi và phát triển trong môi trường kinh doanh đầy biến động.

## **1.2. Các yếu tố cấu thành hệ thống thông tin kế toán quản trị trong doanh nghiệp**

### ***1.2.1. Con người***

### ***1.2.2. Dữ liệu kế toán***

### ***1.2.3. Quy trình và thủ tục xử lý thông tin***

### ***1.2.4. Yếu tố công nghệ***

### ***1.2.5. Kiểm soát nội bộ***

## **1.3. Các lý thuyết liên quan và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán quản trị**

### ***1.3.1. Chất lượng hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp***

### ***1.3.2. Các lý thuyết nền về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán quản trị trong doanh nghiệp***

- Lý thuyết hành vi
- Lý thuyết hệ thống
- Lý thuyết thông tin hữu ích
- Lý thuyết mô hình kim cương

### ***1.3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán quản trị tại doanh nghiệp***

Các nhân tố gồm: Người quản lý, Trình độ nhân viên kế toán, Công nghệ số, Sự tương tác giữa các hệ thống, Chất lượng dữ liệu, Thủ tục và quy trình hướng dẫn, Phần mềm kế toán.

## **1.4. Kinh nghiệm quốc tế về hệ thống thông tin kế toán quản trị và bài học cho doanh nghiệp Việt Nam**

### ***1.4.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản***

### ***1.4.2. Kinh nghiệm của Pháp***

### ***1.4.3. Kinh nghiệm của Mỹ***

### ***1.4.4. Kinh nghiệm của Đức***

### ***1.4.5. Bài học rút ra cho Việt Nam từ kinh nghiệm quốc tế về hệ thống thông tin kế toán quản trị***

Từ kinh nghiệm của Nhật Bản, Pháp, Mỹ và Đức, có thể rút ra nhiều bài học

quan trọng để vận dụng vào bối cảnh Việt Nam, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp đang trong quá trình hội nhập và cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Thứ nhất, về yếu tố con người, cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KTQT theo hướng đa kỹ năng, không chỉ giỏi nghiệp vụ mà còn có khả năng phân tích, sử dụng công nghệ và tham gia vào quá trình ra quyết định. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, vai trò của KTQT ngày càng chuyển từ “người ghi chép” sang “đối tác chiến lược” trong doanh nghiệp.

Thứ hai, về yếu tố dữ liệu kế toán, cần chú trọng xây dựng hệ thống dữ liệu đầy đủ, chính xác, có tính tích hợp và cập nhật theo thời gian thực. Dữ liệu không chỉ bao gồm thông tin tài chính mà còn cần mở rộng sang dữ liệu phi tài chính để phục vụ phân tích, dự báo và đánh giá hiệu quả hoạt động.

Thứ ba, về quy trình và thủ tục xử lý thông tin, các doanh nghiệp cần thiết lập quy trình chuẩn hóa, khoa học và linh hoạt, đảm bảo chuyển đổi dữ liệu thành thông tin hữu ích cho quản trị. Đồng thời, cần tích hợp các phương pháp hiện đại như phân tích chi phí, lập dự toán và đánh giá hiệu quả theo trung tâm trách nhiệm.

Thứ tư, về yếu tố công nghệ, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong HTTKTQT như ERP, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và điện toán đám mây. Công nghệ không chỉ giúp tự động hóa quy trình mà còn nâng cao khả năng phân tích và hỗ trợ ra quyết định nhanh chóng, chính xác.

Thứ năm, về kiểm soát nội bộ, cần xây dựng hệ thống kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tính minh bạch, an toàn và độ tin cậy của thông tin. Việc phân tách nhiệm vụ, thiết lập cơ chế giám sát và ứng dụng công nghệ trong kiểm soát là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng HTTKTQT.

Thứ sáu, về sự tương tác giữa các yếu tố, kinh nghiệm quốc tế cho thấy HTTKTQT chỉ phát huy hiệu quả khi các yếu tố cấu thành (con người - dữ liệu - quy trình - công nghệ - kiểm soát) được tổ chức đồng bộ và có sự liên kết chặt chẽ. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam cần tiếp cận theo hướng hệ thống thay vì cải tiến riêng lẻ từng yếu tố.

Như vậy, việc vận dụng các bài học quốc tế không chỉ giúp các DN Việt Nam hoàn thiện HTTKTQT theo hướng hiện đại mà còn tạo nền tảng nâng cao năng lực quản trị, thích ứng với môi trường cạnh tranh và chuyển đổi số hiện nay.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

## CHƯƠNG 2:

### THỰC TRẠNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

#### 2.1. Khái quát về doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

##### 2.1.1. Khái quát chung về doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là một tỉnh trung du miền núi phía Bắc, có vị trí địa lý quan trọng trong vùng kinh tế trung du và miền núi Bắc Bộ. Năm 2020 số DNTM của tỉnh là 1.332 DN, sau đó tăng dần qua các năm và đạt 1.856 DN vào năm 2024.

##### 2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh và tổ chức công tác kế toán

Về cơ cấu tổ chức quản lý, phần lớn các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, đặc biệt là DNNVV, tổ chức theo mô hình trực tuyến - chức năng.

##### 2.1.3. Đặc điểm hoạt động của các doanh nghiệp thương mại và những chi phối đến hệ thống thông tin kế toán quản trị

Nhìn chung, các đặc điểm về quy mô, lĩnh vực hoạt động, trình độ công nghệ và nguồn nhân lực đã và đang chi phối trực tiếp đến cấu trúc, mức độ hoàn thiện và hiệu quả vận hành của HTTTKTQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

#### 2.2. Thực trạng hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp thương mại ở tỉnh Thái Nguyên

Để đánh giá khách quan thực trạng HTTTKTQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 450 DN. Để đảm bảo tính tin cậy và độ bao quát, đối tượng khảo sát được lựa chọn là người phụ trách kế toán, kế toán trưởng hoặc giám đốc tài chính - những người có hiểu biết toàn diện về tổ chức, vận hành và đặc điểm nhân sự trong bộ phận kế toán cũng như cách thức vận hành HTTTKTQT của DN. Sau khi loại bỏ các phiếu không hợp lệ, số phiếu hợp lệ thu về là 407, trong đó DNNVV chiếm phần lớn (92,1%). Kết quả khảo sát được tổng hợp và phân tích theo năm nhóm yếu tố cơ bản phản ánh cấu trúc và hiệu quả của HTTTKTQT, bao gồm: 1) con người, (2) dữ liệu kế toán, (3) quy trình và thủ tục xử lý thông tin, (4) công nghệ và (5) kiểm soát nội bộ. Để có được cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về thực trạng HTTTKTQT, bên cạnh việc thu thập dữ liệu khảo sát, tác giả đã thực hiện nghiên cứu điển hình (case study) tại một số DNTM tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Các DN được lựa chọn phản ánh sự đa dạng về quy mô, lĩnh vực hoạt động và mức độ ứng dụng CNTT trong KTQT, bao gồm: Công ty Cổ phần Hải Đăng, Công ty TNHH Châu

Hiệp, Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Xây dựng Hoàng Gia, Công ty TNHH Thái Bình Nguyên VN, Công ty TNHH Đệ Nhất Trà Việt... Việc nghiên cứu này giúp làm rõ cách thức tổ chức, vận hành và ứng dụng HTTTKTQT trong thực tiễn, qua đó cung cấp bằng chứng hỗ trợ cho kết quả khảo sát và góp phần đề xuất các giải pháp hoàn thiện phù hợp với đặc thù DNTM tại Thái Nguyên.

### ***2.2.1. Thực trạng yếu tố con người***

Con người là yếu tố trung tâm, quyết định hiệu quả vận hành của HTTTKTQT trong DN. Năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, trình độ công nghệ, nhận thức quản trị và cơ cấu phân công nhiệm vụ của đội ngũ kế toán ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và hữu ích cho quá trình ra quyết định của nhà quản trị. Kết quả khảo sát 407 DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy, yếu tố con người là khía cạnh còn nhiều hạn chế trong cấu trúc HTTTKTQT, đặc biệt ở các DNNVV - nhóm chiếm tới 92,1% trong tổng số DN khảo sát.

### ***2.2.2. Thực trạng yếu tố dữ liệu***

Dữ liệu kế toán là nền tảng cốt lõi của HTTTKTQT, quyết định tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho nhà quản trị. Tuy nhiên, kết quả khảo sát 407 DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy, yếu tố dữ liệu trong HTTTKTQT vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt ở nhóm DNNVV, khiến hệ thống thông tin chưa phát huy được giá trị quản trị thực sự. Khảo sát cho thấy hầu hết DN đều sử dụng dữ liệu kế toán chủ yếu từ giao dịch tài chính - kế toán như doanh thu, chi phí, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ. Tuy nhiên, dữ liệu phi tài chính (như dữ liệu sản xuất, năng suất lao động, mức độ hài lòng của khách hàng...) gần như chưa được đưa vào hệ thống HTTTKTQT. Cụ thể, chỉ 23,5% DNNVV có thu thập và lưu trữ dữ liệu phi tài chính phục vụ cho phân tích nội bộ, trong khi tỷ lệ này ở DN lớn đạt 52,6%. Điều này cho thấy phạm vi dữ liệu tại các DNNVV còn hẹp, chưa phản ánh được đầy đủ bức tranh hoạt động của DN.

### ***2.2.3. Thực trạng quy trình và thủ tục xử lý thông tin***

Trong cấu trúc của HTTTKTQT, yếu tố quy trình và thủ tục đóng vai trò như “xương sống” đảm bảo cho các hoạt động kế toán được tổ chức nhất quán, có kiểm soát và hướng đến mục tiêu cung cấp thông tin phục vụ ra quyết định. Tuy nhiên, kết quả khảo sát 407 DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy yếu tố này hiện vẫn còn thiếu tính hoàn thiện, đặc biệt trong các DNNVV. Các quy trình kế toán hiện hành mới

tập trung vào ghi nhận - báo cáo tài chính - tuân thủ thuế, trong khi các bước phân tích, lập kế hoạch và ra quyết định quản trị chưa được quy chuẩn hóa rõ ràng.

#### **2.2.4. Thực trạng yếu tố công nghệ**

Việc ứng dụng công nghệ hiện đại không chỉ giúp tự động hóa quy trình kế toán mà còn tạo khả năng phân tích dữ liệu lớn, tăng tính chính xác, kịp thời và hỗ trợ ra quyết định chiến lược của nhà quản trị. Tuy nhiên, kết quả khảo sát 407 DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy, mức độ ứng dụng công nghệ trong HTTKTQT còn chênh lệch đáng kể giữa nhóm DNNVV và nhóm DN lớn.

#### **2.2.5. Thực trạng yếu tố hệ thống kiểm soát nội bộ**

Khảo sát 407 DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cho thấy, hệ thống KSNB trong công tác kế toán quản trị hiện còn nhiều hạn chế, đặc biệt trong nhóm DNNVV. Các quy định, quy trình kiểm soát chưa được thiết lập đồng bộ, chủ yếu mang tính hình thức và phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân của kế toán trưởng hoặc giám đốc tài chính.

### **2.3. Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp thương mại ở tỉnh Thái Nguyên**

#### **2.3.1. Mô tả phương pháp nghiên cứu**

Luận án kết hợp hai phương pháp chính là định lượng và định tính. Do đó, để thực hiện được thì quy trình sẽ được thiết kế như sau:

#### **Bước 1: Xây dựng giả thuyết và mô hình nghiên cứu**

Dựa trên các lý thuyết nền tảng và các khoảng trống nghiên cứu thì luận án thiết lập giả thuyết và mô hình nghiên cứu phù hợp với bối cảnh nghiên cứu.

#### **Bước 2: Xây dựng thang đo sơ bộ**

Từ giả thuyết và mô hình nghiên cứu đã được đề xuất, đồng thời tham khảo các thang đo gốc từ những nghiên cứu trước đây về HTTKTQT và chất lượng hệ thống thông tin, tiến hành xây dựng thang đo sơ bộ phù hợp với bối cảnh cụ thể của các DNTM tại tỉnh Thái Nguyên. Thang đo này sẽ bao gồm các biến quan sát để đo lường các nhân tố được kỳ vọng ảnh hưởng đến chất lượng HTTKTQT.

#### **Bước 3: Xây dựng thang đo chính thức và bảng câu hỏi khảo sát**

Thang đo sơ bộ sẽ được trình bày và thảo luận với một nhóm chuyên gia trong lĩnh vực kế toán, quản trị DN và CNTT tại địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Thông qua sự biểu quyết và góp ý từ nhóm chuyên gia, thang đo sẽ được điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo tính phù hợp và sát với thực tiễn của các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Thang

đo chính thức này sẽ là cơ sở để hình thành bảng câu hỏi khảo sát chính thức.

### **Bước 3: Đánh giá độ tin cậy của thang đo (Cronbach's Alpha)**

Sau khi thu thập dữ liệu khảo sát từ các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, tiến hành kiểm định Cronbach's Alpha để xác định độ tin cậy và tính nhất quán nội bộ của các thang đo và biến số. Bước này giúp loại bỏ các biến quan sát không phù hợp hoặc không đáng tin cậy, đảm bảo chất lượng dữ liệu trước khi thực hiện các phân tích tiếp theo.

### **Bước 4: Phân Tích Nhân Tố Khám Phá (EFA)**

Khi đã có sự tin cậy về các biến số và thang đo, tiến hành kiểm định Phân tích Nhân tố Khám phá (EFA). Quá trình này sẽ sử dụng ma trận xoay (ví dụ: Varimax) để xác định các nhân tố tiềm ẩn và đánh giá sự hội tụ của các biến quan sát vào từng nhân tố. Kết quả EFA sẽ giúp định hình cấu trúc các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKTQT, làm cơ sở cho mô hình hồi quy sau này.

### **Bước 5: Hồi quy dữ liệu và xây dựng mô hình**

Từ kết quả EFA, tiến hành hồi quy dữ liệu để kiểm định mối quan hệ giữa các nhân tố đã xác định và chất lượng HTTTKTQT. Mục tiêu của bước này là xây dựng một mô hình thể hiện các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKTQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

### **Bước 6: Kiểm định mô hình và đề xuất giải pháp**

Kiểm định sự phù hợp của mô hình thông qua chỉ số  $R^2$  và kiểm tra các khuyết tật của mô hình (ví dụ: đa cộng tuyến, phương sai sai số thay đổi, tự tương quan). Đồng thời, kiểm định các giả thuyết thống kê đã đặt ra. Sau đó, tiến hành thảo luận kết quả nghiên cứu, đưa ra các kết luận tổng quát về các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng HTTTKTQT. Cuối cùng, đề xuất các hàm ý quản trị tương ứng, cung cấp những gợi ý cho các DN để nâng cao chất lượng HTTTKTQT.

#### **2.3.2. Mô hình và giải thuyết nghiên cứu**

##### *2.3.2.1. Mô hình nghiên cứu*

$$CLHT = \beta_0 + \beta_1NQL + \beta_2TDNV + \beta_3CNS + \beta_4STT + \beta_5CLDL + \beta_6TTQT + \beta_7PMKT + \epsilon.$$

##### *2.3.2.2. Giả thuyết nghiên cứu*

- *H1: Người quản lý có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*

- H2: Trình độ nhân viên kế toán có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- H3: Công nghệ số có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- H4: Sự tương tác giữa các hệ thống có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- H5: Chất lượng dữ liệu có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- H6: Thủ tục và quy trình hướng dẫn có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
- H7: Phần mềm kế toán có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

### **2.3.3. Phương pháp xây dựng thang đo**

Để xây dựng thang đo thì bước đầu luận án sẽ tiến hành thiết kế thang đo sơ bộ, các thang đo này sẽ được luận án kế thừa từ các công trình nghiên cứu trước đây. Sau đó, tiến hành thông qua thảo luận với nhóm chuyên gia, là các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ với nhiều năm kinh nghiệm trong nghiên cứu, giảng dạy, thực tế về kế toán và quản trị để nhận được sự góp ý và thống nhất các biến số có thể áp dụng được cho bối cảnh về HTTTKTQT trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, dựa trên các đóng góp của nhóm chuyên gia để hiệu chỉnh các thang đo sơ bộ đề xuất cho phù hợp với các DNTM tỉnh Thái Nguyên đối với chất lượng HTTTKTQT.

Sau khi thảo luận để hiệu chỉnh các thang đo sơ bộ thì tác giả tiến hành điều chỉnh và thiết lập thang đo chính thức, đồng thời mã hóa các cho các phát biểu. Đồng thời, các thang đo này được khảo sát với thang đo Likert 5 điểm với 1 là “Hoàn toàn không đồng ý” đến 5 là “Hoàn toàn đồng ý”.

### **2.3.4. Phương pháp chọn mẫu và khảo sát**

Thời gian khảo sát được diễn ra từ 10/2024 - 04/2025. Sau đó, dữ liệu được thu thập về 450 phiếu và đánh giá sự hợp lệ thì phát hiện có 43 hỏi các đáp viên đánh một phương án và bỏ trống nhiều nên loại đi, vì vậy lượng mẫu chính thức để nghiên cứu là 407 vẫn đáp ứng được mẫu tối thiểu.

### **2.3.5. Phương pháp xử lý số liệu**

**Mô hình hồi quy đa biến**

Các nhân tố đại diện cho các biến quan sát đo lường cho các biến số sẽ được hồi quy nhằm phản ánh sự ảnh hưởng của các nhân tố đến chất lượng HTTTKTQT được xây dựng như sau:

$$CLHT = \beta_0 + \beta_1 NQL + \beta_2 TDNV + \beta_3 CNS + \beta_4 STT + \beta_5 CLDL + \beta_6 TTQT + \beta_7 PMKT + \varepsilon.$$

### 2.3.6. Kiểm định độ tin cậy

### 2.3.7. Phân tích nhân tố khám phá

### 2.3.8. Phân tích tương quan

### 2.3.9. Phân tích hồi quy

#### *Kết quả ước lượng mô hình hồi quy*

Mô hình hồi quy tuyến tính thể hiện mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập như sau:  $CLHT = 0,233 \times NQL + 0,284 \times TDNV + 0,183 \times CNS + 0,218 \times TTQT + 0,144 \times CLDL + 0,134 \times STT + 0,140 \times PMKT$

Kết quả cho thấy rằng tất cả các hệ số hồi quy của các biến độc lập đều mang giá trị lớn hơn 0. Điều này chỉ ra rằng các nhân tố: Người quản lý (NQL), Trình độ nhân viên kế toán (TDNV), Công nghệ số (CNS), Thủ tục và quy trình hướng dẫn (TTQT), Chất lượng dữ liệu (CLDL), Tương tác hệ thống (STT) và Phần mềm kế toán (PMKT) đều có ảnh hưởng tích cực đến Chất lượng HTTTKTQT (CLHT).

### 2.3.10. Kiểm định các hiện tượng

#### *Kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến*

Dựa trên kết quả kiểm định, tất cả các biến độc lập trong mô hình đều có hệ số VIF nhỏ hơn 2, lần lượt cho các biến số NQL; TDNV; CNS; TTQT; CLDL; STT; PMKT là 1,341; 1,169; 1,330; 1,242; 1,113; 1,447; 1,281. Các giá trị này không chỉ thỏa mãn mà còn vượt xa ngưỡng tiêu chuẩn  $VIF < 5$ . Do đó, có thể khẳng định rằng mô hình hồi quy trong nghiên cứu này không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

#### *Kiểm định hiện tượng tự tương quan*

Dựa trên kết quả từ Bảng hệ số Durbin-Watson của mô hình là 1,938. Giá trị này nằm hoàn toàn trong khoảng chấp nhận được ( $1 < 1,938 < 3$ ). Do đó, có thể kết luận rằng mô hình hồi quy trong nghiên cứu này không có hiện tượng tự tương quan.

#### *Kiểm định hiện tượng phương sai thay đổi*

Do mật độ phân phối của biểu đồ Scatter Plot nằm trong khoảng từ -2,5 đến 2,5 do đó mô hình không vi phạm hiện tượng phương sai số thay đổi.

### ***2.3.11. Kết luận giả thuyết nghiên cứu***

Sau khi kiểm định, mô hình không xuất hiện các khuyết tật, đảm bảo độ tin cậy. Kết quả hồi quy cho thấy cả 7 giả thuyết (H1–H7) đều được chấp nhận với ý nghĩa thống kê (P-value = 0,000). Các nhân tố gồm: nhà quản lý, trình độ nhân viên kế toán, công nghệ số, sự tương tác hệ thống, chất lượng dữ liệu, quy trình – thủ tục và phần mềm kế toán đều có tác động tích cực đến chất lượng HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại ở Thái Nguyên. Trong đó, sự tương tác giữa các hệ thống và công nghệ số có mức ảnh hưởng mạnh hơn so với các yếu tố còn lại.

### ***2.3.12. Kết quả về các giá trị trung bình của thang đo***

### ***2.3.13. Thảo luận kết quả nghiên cứu***

Kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả các nhân tố đều có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng HTTTKTQT. Trong đó, tương tác giữa các hệ thống có tác động mạnh nhất, tiếp theo là công nghệ số và trình độ nhân viên kế toán. Nhà quản lý đóng vai trò quan trọng trong giám sát và định hướng, nhưng còn hạn chế về tầm nhìn chiến lược.

Bên cạnh đó, chất lượng dữ liệu và thủ tục quy trình vẫn là điểm yếu cần cải thiện, trong khi phần mềm kế toán được đánh giá cao về hiệu quả và chi phí. Nhìn chung, để nâng cao chất lượng hệ thống, doanh nghiệp cần đồng thời cải thiện năng lực con người, công nghệ và quản trị dữ liệu.

## **2.4. Đánh giá thực trạng hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### ***2.4.1. Ưu điểm***

Kết quả khảo sát và phân tích hồi quy cho thấy, HTTTKTQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã có những bước phát triển nhất định, phản ánh nhận thức ngày càng rõ rệt của các DN về vai trò của thông tin kế toán trong quản trị. Thứ nhất, đa số DNTM trên địa bàn đã hình thành được hệ thống kế toán quản trị cơ bản, phục vụ hiệu quả cho việc ghi nhận, tổng hợp và cung cấp thông tin tài chính nội bộ. Cùng với đó, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán trong xử lý và lưu trữ dữ liệu ngày càng tăng. Các phần mềm phổ biến như MISA, FAST, BRAVO, DATAVN đã hỗ trợ đắc lực cho công tác kế toán, giúp giảm đáng kể thời gian nhập liệu, tự động hóa khâu tổng hợp báo cáo, đồng thời đảm bảo tính chính xác và nhất quán của thông tin. Việc ứng dụng phần mềm cũng giúp các DN đáp ứng yêu cầu quản lý nhanh chóng, kịp thời hơn, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt và yêu cầu ra quyết định nhanh nhạy như hiện nay.

Thứ hai, đội ngũ kế toán tại các doanh nghiệp được đánh giá có trình độ chuyên môn tương đối tốt và ngày càng được trẻ hóa. Họ có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán thông dụng, nắm vững quy định của pháp luật và chế độ kế toán hiện hành. Không chỉ dừng lại ở vai trò ghi chép, tổng hợp, đội ngũ kế toán còn tham gia ngày càng tích cực vào quá trình phân tích, dự báo và tham mưu cho nhà quản lý. Nhiều nhân viên kế toán có kỹ năng xử lý tình huống linh hoạt, tư duy logic và khả năng kiểm soát thông tin tài chính tốt, góp phần duy trì tính hợp lệ, minh bạch và tin cậy của dữ liệu kế toán quản trị.

Thứ ba, ở một số doanh nghiệp quy mô lớn hoặc có định hướng phát triển bền vững, các công nghệ hiện đại như hệ thống ERP, phần mềm quản trị tích hợp hay lưu trữ dữ liệu trên nền tảng điện toán đám mây đã bắt đầu được triển khai. Việc số hóa quy trình kế toán và quản trị dữ liệu giúp doanh nghiệp rút ngắn đáng kể thời gian xử lý thông tin, nâng cao khả năng truy xuất, phân tích dữ liệu đa chiều và hỗ trợ mạnh mẽ cho việc ra quyết định chiến lược. Đặc biệt, xu hướng chuyển đổi số đã tạo tiền đề quan trọng để các DN từng bước hướng đến việc xây dựng hệ thống kế toán quản trị hiện đại, có khả năng kết nối chặt chẽ với các bộ phận khác như bán hàng, kho vận, marketing và tài chính.

Thứ tư, sự tham gia tích cực của ban lãnh đạo và nhà quản lý trong việc vận hành, giám sát và điều chỉnh HTTKQT là một điểm sáng đáng ghi nhận. Nhiều nhà quản trị doanh nghiệp đã nhận thức được HTTKQT không chỉ là công cụ hỗ trợ ghi chép và báo cáo mà còn là nền tảng quan trọng giúp hoạch định chiến lược, kiểm soát chi phí, đánh giá hiệu quả hoạt động và phòng ngừa rủi ro. Chính vì vậy, họ chủ động chỉ đạo việc hoàn thiện quy trình, xây dựng các báo cáo nội bộ phục vụ quản trị, đồng thời khuyến khích việc áp dụng các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao chất lượng thông tin.

Thứ năm, phần lớn DN đã bước đầu xây dựng được hệ thống quy trình kế toán cơ bản và cơ chế kiểm soát nội bộ tương đối rõ ràng. Một số doanh nghiệp có quy trình kế toán được văn bản hóa chi tiết, có sự phân quyền, phân nhiệm rõ ràng giữa các bộ phận; đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát chéo trong quá trình xử lý và truyền đạt thông tin. Những yếu tố này đã góp phần nâng cao tính tin cậy, an toàn của hệ thống thông tin kế toán quản trị, hạn chế rủi ro sai sót hoặc gian lận trong công tác tài chính - kế toán.

Nhìn chung, HTTKQT tại các DNTM ở Thái Nguyên đang từng bước chuyển mình theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả hơn. Dù vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện, nhưng những kết quả đạt được đã tạo nền tảng quan trọng để các doanh

ngành tiến tới ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn trong quản trị tài chính - kế toán trong tương lai.

#### **2.4.2. Hạn chế**

Từ kết quả phân tích thực trạng hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, có thể nhận thấy bên cạnh những kết quả đạt được, HTTKQT vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Các tồn tại này được xem xét theo 5 yếu tố cấu thành hệ thống, đồng thời có sự phân hóa rõ rệt giữa nhóm DNNVV và doanh nghiệp lớn.

Thứ nhất, về yếu tố con người, trình độ và nhận thức về kế toán quản trị của đội ngũ nhân sự tại DNNVV còn hạn chế. Phần lớn nhân viên kế toán chỉ tập trung vào kế toán tài chính, chưa có khả năng thực hiện các nội dung phân tích, dự báo phục vụ quản trị. Trong khi đó, ở các doanh nghiệp lớn, mặc dù đã có đội ngũ chuyên trách, nhưng kỹ năng khai thác hệ thống công nghệ và phân tích dữ liệu vẫn chưa đồng đều, chưa tận dụng hết tiềm năng của HTTKQT.

Thứ hai, về yếu tố quy trình và tổ chức thông tin, các DNNVV chưa xây dựng được quy trình kế toán quản trị một cách bài bản và chuẩn hóa. Các hoạt động như lập dự toán, phân tích chi phí, đánh giá hiệu quả thường mang tính tự phát, thiếu tính hệ thống và chưa được tích hợp vào quy trình quản lý chung của doanh nghiệp. Ngược lại, mặc dù các doanh nghiệp lớn đã hình thành quy trình tương đối đầy đủ, nhưng vẫn tồn tại tình trạng thiếu liên kết giữa các bộ phận, dẫn đến thông tin chưa thực sự xuyên suốt và đồng bộ.

Thứ ba, về yếu tố công nghệ, mức độ ứng dụng công nghệ trong HTTKQT còn chưa đồng đều, đặc biệt ở khu vực DNNVV. Nhiều doanh nghiệp mới chỉ sử dụng phần mềm kế toán đơn lẻ, chưa triển khai các hệ thống tích hợp như ERP hoặc BI. Quá trình xử lý dữ liệu vẫn mang tính bán tự động, thậm chí còn phụ thuộc vào thao tác thủ công ở một số khâu. Trong khi đó, các doanh nghiệp lớn dù đã đầu tư hệ thống công nghệ hiện đại nhưng chưa khai thác hiệu quả các tính năng phân tích, dự báo, dẫn đến việc ứng dụng công nghệ chưa thực sự tạo ra lợi thế cạnh tranh trong quản trị.

Thứ tư, về yếu tố dữ liệu và thông tin, chất lượng và khả năng khai thác dữ liệu phục vụ kế toán quản trị còn nhiều hạn chế. Ở DNNVV, dữ liệu chủ yếu phân tán, thiếu tính liên kết và chưa được tổ chức theo hướng phục vụ phân tích quản trị. Các báo cáo chủ yếu mang tính quá khứ, thiếu thông tin dự báo. Trong khi đó, ở doanh nghiệp lớn,

mặc dù dữ liệu được tích hợp hơn, nhưng việc khai thác dữ liệu lớn (Big Data) và ứng dụng các công cụ phân tích nâng cao vẫn còn hạn chế.

Thứ năm, về yếu tố môi trường và chiến lược quản trị, nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV, về vai trò của HTTTKTQT còn chưa đầy đủ. Nhiều doanh nghiệp chưa coi đây là công cụ hỗ trợ ra quyết định chiến lược, dẫn đến việc đầu tư và triển khai còn mang tính hình thức. Ngược lại, ở các doanh nghiệp lớn, mặc dù đã có định hướng rõ ràng hơn về chuyển đổi số và hiện đại hóa hệ thống thông tin, nhưng việc triển khai chưa đồng bộ, còn gặp khó khăn về chi phí, nhân lực và quản trị thay đổi.

### ***2.4.3. Nguyên nhân của các hạn chế***

Các hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân có tính hệ thống:

Thứ nhất, hạn chế về nhận thức và tư duy quản trị thông tin: Nhiều chủ DN và nhà quản lý vẫn coi kế toán chủ yếu là công cụ ghi chép tài chính chứ chưa xem đó là nguồn dữ liệu chiến lược phục vụ phân tích và ra quyết định. Việc đầu tư cho HTTTKTQT chưa được xem là một khoản đầu tư dài hạn mà chỉ là chi phí ngắn hạn.

Thứ hai, hạn chế về nguồn lực tài chính và nhân sự: Phần lớn DNNVV tại Thái Nguyên có quy mô nhỏ, khả năng tài chính hạn chế, dẫn đến việc không thể đầu tư hệ thống ERP hay các phần mềm quản trị tích hợp hiện đại. Đồng thời, nhân lực kế toán chưa được đào tạo bài bản về phân tích dữ liệu, quản trị hệ thống hay an ninh thông tin.

Thứ ba, thiếu chuẩn hóa quy trình và hướng dẫn nghiệp vụ: Các văn bản quy định, hướng dẫn về tổ chức HTTTKTQT trong doanh nghiệp chưa cụ thể, chưa có sự thống nhất giữa các phòng ban, khiến mỗi doanh nghiệp vận hành hệ thống theo cách riêng, thiếu tính tương thích.

Thứ tư, môi trường công nghệ và chính sách hỗ trợ chưa hoàn thiện: Việc ứng dụng công nghệ số trong kế toán tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn do hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, chi phí bảo trì phần mềm cao và chưa có cơ chế khuyến khích mạnh mẽ từ cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ năm, thiếu cơ chế kiểm tra, đánh giá định kỳ về HTTTKTQT: Phần lớn DN chưa có hoạt động kiểm toán nội bộ hoặc đánh giá độc lập về chất lượng hệ thống thông tin, dẫn đến việc phát hiện và khắc phục sai sót còn chậm trễ.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

## **CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN**

### **3.1. Định hướng phát triển doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ, thương mại đang trở thành một trong những trụ cột quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh Thái Nguyên. Nhận thức được vai trò đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 44-KH/TU ngày 19/01/2026 về việc triển khai Đề án phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, nhằm tạo bước chuyển biến rõ rệt ngay từ năm đầu thực hiện và góp phần hiện thực hóa các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030.

#### **3.1.1. Định hướng chung**

#### **3.1.2. Định hướng cụ thể**

##### ***3.1.2.1. Đối với doanh nghiệp thương mại quy mô lớn***

##### ***3.1.2.2. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa***

##### ***3.1.2.3. Đối với doanh nghiệp thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng số***

### **3.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp**

#### ***3.2.1. Yêu cầu hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị***

- Cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời và có khả năng dự báo để hỗ trợ ra quyết định.
- Phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế, nâng cao minh bạch và tiếp cận chuẩn mực hiện đại.
- Thích ứng với chuyển đổi số, tăng cường tự động hóa, tích hợp và khai thác dữ liệu.
- Phù hợp với quy mô và nguồn lực doanh nghiệp (đơn giản với DNNVV, hiện đại với DN lớn).

#### ***3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị***

- Tuân thủ: đảm bảo đúng quy định pháp luật, minh bạch và đáng tin cậy.
- Phù hợp: thích ứng với đặc điểm hoạt động và trình độ quản lý của doanh nghiệp.
- Khả thi: triển khai được với nguồn lực thực tế.
- Hiệu quả: tối ưu chi phí – lợi ích, nâng cao năng lực cạnh tranh.

## **3.2. Giải pháp hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

### **3.2.1. Giải pháp về con người**

- Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng công nghệ và tư duy quản trị cho kế toán.
- DN lớn: xây dựng bộ máy kế toán quản trị chuyên trách, đào tạo chuyên sâu.
- DNNVV: tổ chức linh hoạt, kiêm nhiệm, tăng cường đào tạo thực hành và nhận thức của nhà quản lý.

### **3.2.2. Giải pháp về dữ liệu**

- Chuẩn hóa, số hóa và đảm bảo tính chính xác, kịp thời của dữ liệu.
- Doanh nghiệp lớn: xây dựng hệ thống dữ liệu tích hợp, ứng dụng phân tích dữ liệu nâng cao.
- DNNVV: đơn giản hóa, sử dụng phần mềm kế toán tích hợp và tăng kết nối dữ liệu giữa các bộ phận.

### **3.2.3. Giải pháp về thủ tục và quy trình xử lý thông tin**

- Chuẩn hóa quy trình thu thập, xử lý, báo cáo và truyền đạt thông tin.
- Tăng cường tự động hóa, kiểm soát nội bộ và phối hợp giữa các bộ phận.
- Thực hiện kiểm tra và cải tiến quy trình thường xuyên để nâng cao hiệu quả hệ thống.

### **3.2.4. Giải pháp về công nghệ**

- Xác định công nghệ là trụ cột chiến lược, không chỉ phục vụ ghi chép mà hỗ trợ phân tích và ra quyết định.
- Xây dựng hệ thống công nghệ tích hợp đa tầng (hạ tầng – dữ liệu – bảo mật – phần mềm – người dùng).
- Triển khai phần mềm kế toán tích hợp/ERP để liên kết các bộ phận và đồng bộ dữ liệu.
- Ứng dụng AI, Big Data, BI để phân tích, dự báo và trực quan hóa thông tin quản trị.
- Phát triển kế toán đám mây (Cloud Accounting) nhằm tăng tính linh hoạt, tiết kiệm chi phí.
- Tăng cường bảo mật dữ liệu và phân quyền truy cập trong hệ thống.
- Đẩy mạnh kết nối, tích hợp dữ liệu giữa các hệ thống (API, liên thông nội bộ).
- Cần có hỗ trợ từ Nhà nước (chính sách, đào tạo, tư vấn chuyên đổi số).

### **3.2.5. Giải pháp về kiểm soát nội bộ**

- Xây dựng môi trường kiểm soát với cam kết mạnh từ lãnh đạo và văn hóa tuân thủ.

- Phân tách trách nhiệm rõ ràng, tránh một người kiểm soát toàn bộ quy trình.
- Thiết lập kiểm soát dữ liệu và báo cáo, đảm bảo thông tin chính xác, kịp thời.
- Ứng dụng công nghệ trong kiểm soát (phân quyền, cảnh báo, theo dõi giao dịch).
- Thành lập hoặc thuê kiểm toán nội bộ để đánh giá độc lập hệ thống.
- Thực hiện giám sát thường xuyên và đánh giá định kỳ để cải tiến liên tục.
- Xây dựng văn hóa minh bạch và trách nhiệm giải trình trong toàn doanh nghiệp.

### **3.4. Kiến nghị thực hiện giải pháp**

Để các giải pháp hoàn thiện HTTTKTQT tại các doanh nghiệp thương mại trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được triển khai hiệu quả, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và các cơ sở đào tạo.

### **3.5. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo**

#### ***3.5.1. Hạn chế của đề tài***

Mặc dù nghiên cứu đã đạt được những kết quả nhất định trong việc phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện HTTTKTQT tại các DNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, song đề tài vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định cả về phạm vi nghiên cứu, thời điểm khảo sát, phương pháp thực hiện và khả năng khái quát hóa kết quả. Những hạn chế này chủ yếu xuất phát từ đặc thù của bối cảnh nghiên cứu và điều kiện thực tế tại thời điểm triển khai đề tài.

#### ***3.5.2. Hướng nghiên cứu tiếp theo***

Từ những hạn chế đã nêu, có thể nhận thấy rằng việc nghiên cứu về HTTTKTQT trong các DNTM vẫn còn nhiều không gian để tiếp tục mở rộng và phát triển trong thời gian tới. Bối cảnh kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên hiện nay đã có nhiều thay đổi so với giai đoạn thu thập dữ liệu, đặc biệt là sự điều chỉnh về địa giới hành chính và quá trình sáp nhập một số đơn vị cấp xã. Sự thay đổi này không chỉ ảnh hưởng đến cấu trúc quản lý và phân bố doanh nghiệp mà còn tác động đến cách thức thu thập, xử lý và sử dụng thông tin kế toán quản trị. Vì vậy, một hướng nghiên cứu quan trọng trong thời gian tới là cập nhật, tái khảo sát và so sánh sự thay đổi của HTTTKTQT tại các DNTM trước và sau khi sáp nhập, nhằm đánh giá tác động thực tế của sự điều chỉnh hành chính đến chất lượng, quy mô và mức độ hoàn thiện của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

## KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, việc hoàn thiện HTTKTQT trở thành yêu cầu tất yếu đối với các doanh nghiệp thương mại tỉnh Thái Nguyên. HTTKTQT không chỉ hỗ trợ nhà quản trị trong ra quyết định mà còn là công cụ nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu hóa nguồn lực và hướng tới phát triển bền vững.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn doanh nghiệp đã quan tâm đến việc tổ chức hệ thống thông tin phục vụ quản trị, song mức độ hoàn thiện còn hạn chế. Nhiều đơn vị vẫn tập trung vào kế toán tài chính, trong khi kế toán quản trị vốn cung cấp thông tin cho lập kế hoạch, kiểm soát và đánh giá hiệu quả chưa được chú trọng đúng mức. Các yếu tố như con người, dữ liệu, công nghệ và quy trình vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể giữa lý thuyết và thực tiễn triển khai.

Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, HTTKTQT cần được xem như công cụ quản trị chiến lược giúp DN thích ứng linh hoạt, dự báo xu hướng, rủi ro và cơ hội kinh doanh. Kinh nghiệm quốc tế từ Nhật Bản, Pháp, Mỹ và Đức cho thấy HTTKTQT chỉ phát huy hiệu quả khi có sự kết hợp hài hòa giữa công nghệ hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn với văn hóa minh bạch, kỷ luật và tư duy cải tiến liên tục. Đây là những bài học quan trọng cho các DN Thái Nguyên trong quá trình hoàn thiện hệ thống.

Trên cơ sở phân tích các nhân tố ảnh hưởng, luận án đã đề xuất năm nhóm giải pháp trọng tâm: (i) phát triển nguồn nhân lực kế toán quản trị có trình độ và kỹ năng phân tích; (ii) chuẩn hóa và số hóa dữ liệu kế toán; (iii) cải tiến quy trình xử lý, tổng hợp và báo cáo thông tin; (iv) đầu tư hạ tầng công nghệ; và (v) tăng cường kiểm soát nội bộ để đảm bảo tính minh bạch, tin cậy của thông tin. Việc hoàn thiện HTTKTQT không chỉ giúp DN nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và khả năng hội nhập quốc tế. Đây là quá trình dài hạn, đòi hỏi sự quyết tâm của DN cùng với sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý, hiệp hội nghề nghiệp và cơ sở đào tạo. Khi nhận thức đúng và triển khai đồng bộ, HTTKTQT sẽ trở thành nền tảng giúp DN Thái Nguyên phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyen Thu Ha (2023), “International Experience on Management Accounting Information System and Lessons for Vietnamese Enterprises”, *Proceedings of International Conference: Sustainable economic development and business management in the context of globalization (SEDBM6)*, Financial Publishing House, ISBN: 978-604-79-3882-7, 379-384.
2. Nguyen Thu Ha (2023), “Orientation to improve the management accounting information system in enterprises in the context of globalization”, *Proceedings of International Conference: Sustainable economic development and business management in the context of globalization (SEDBM6)*, Financial Publishing House, ISBN: 978-604-79-3882-7, 446-449.
3. Nguyễn Thu Hà (2025), “Xu hướng phát triển hệ thống thông tin kế toán quản trị trong nền kinh tế số”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán*, số 302, trang 29-32.